

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 190/2024/DS-PT

Ngày: 12-4-2024

“V/v tranh chấp chia tài sản
chung là quyền sử dụng đất và
hủy biên bản hòa giải cơ sở”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Cảnh.

Các Thẩm phán:

1. Bà Huỳnh Thị Phụng.

2. Ông Đặng Văn Nhữn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Kim Thanh – Thẩm tra viên Tòa
án nhân dân tỉnh Long An.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên
tòa:** Ông Nguyễn Tấn Phát – Kiểm sát viên.

Vào ngày 08 và ngày 12 tháng 4 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An mở phiên tòa để xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 124/2024/TLPT-DS ngày 07 tháng 3 năm 2024 về việc “tranh chấp chia tài sản chung là quyền sử dụng đất và hủy biên bản hòa giải cơ sở”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 310/2023/DS-ST ngày 1-12-/2023 của Tòa án nhân dân huyện Đức Hoà bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 157/2024/QĐ-PT ngày 21 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

1.1. Bà Nguyễn Thị Ngọc A, sinh năm 1951.

Địa chỉ: Ấp 1, xã X, huyện Y, tỉnh Long An.

1.2. Ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1969.

Địa chỉ: Ấp 61, xã O, huyện Ô, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Trần Thị Kim G1, sinh năm 1994.

Địa chỉ: Khu phố 4, thị trấn Ê, huyện Â, tỉnh Long An (theo văn bản ủy quyền ngày 21/6/2022).

2. Bị đơn: Ông Thạch Văn C, sinh năm 1946.

Địa chỉ: Ấp 1B, xã V, huyện Y, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn:

- Ông Thạch Văn D, sinh năm 1971.

Địa chỉ: Số 11 Đường 4, Khu phố 2, pQ W, thành phố Đ, Thành phố Hồ Chí Minh (theo văn bản ủy quyền ngày 26/9/2023).

- Ông Lê Minh E, sinh năm 1973.

Địa chỉ: Số 603 Lô B, Chung cư Tân Tạo, pQ Tân Tạo A, quận A, Thành phố Hồ Chí Minh (theo văn bản ủy quyền ngày 09/01/2024).

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Lê Thị F, sinh năm 1959.

Địa chỉ: Ấp 5, xã V1, huyện V2, tỉnh Long An.

3.2. Bà Lê Thị G, sinh năm 1963.

Địa chỉ: Ấp Bình Lợi, xã S, huyện Y, tỉnh Long An.

3.3. Bà Lê Thị H, sinh năm 1965.

Địa chỉ: Ấp Thuận Hòa 1, xã Hòa Khánh Nam, huyện Y, Long An.

3.4. Bà Lê Thị K, sinh năm 1967.

Địa chỉ: Ấp 3, xã V, huyện Y, tỉnh Long An.

3.5. Ông Lê Văn E, sinh năm 1971.

Địa chỉ: Ấp 2, xã S1, huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

3.6. Ông Lê Thanh B1, sinh năm 1978.

Địa chỉ: Ấp 1A, xã V, huyện Y, tỉnh Long An.

3.7. Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1955.

Địa chỉ: Ấp 1, xã Ô1, huyện Ô, tỉnh Long An.

3.8. Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1964.

Địa chỉ: Thôn 7, xã BM, huyện BĐ, tỉnh Bình Phước.

3.9. Bà Trần Thị N, sinh năm 1949.

3.10. Ông Thạch Văn P, sinh năm 1981.

3.11. Bà Trần Thị Thu Q, sinh năm 1988.

3.12. Cháu Thạch Minh R, sinh năm 2019.

3.13. Cháu Thạch Thị Ngọc R1, sinh năm 2021.

Người đại diện cháu Tường và cháu Vy: Bà Trần Thị Thu Q.

Cùng địa chỉ: Ấp 1B, xã V, huyện Y, tỉnh Long An.

3.14. Ủy ban nhân dân xã V, huyện Đức Hoà, tỉnh Long An.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn U- Chủ tịch.

Địa chỉ: Ấp 2, xã V, huyện Y, tỉnh Long An.

3.15. Ủy ban nhân dân huyện Y, tỉnh Long An.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Thanh U - Quyền Chủ tịch.

Trụ sở: Ô7, Khu B, thị trấn Hậu Nghĩa, huyện Y, tỉnh Long An.

Người kháng cáo: Ông Thạch Văn C.

(Bà G1, ông E, ông D, ông L có mặt tại phiên toà; các đương sự khác vắng mặt tại phiên toà)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 23/6/2022, đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện ngày 19/9/2023 của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc A và Nguyễn Văn B, trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên toà bà Trần Thị Kim G1 đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn trình bày:

Cụ ông Thạch Văn T, sinh năm 1911, chết năm 1991 và cụ bà Dương Thị Th, sinh năm 1910, chết năm 1977 chung sống với nhau sinh được 03 người con tên: Bà Thạch Thị C1 chết 2010 (bà C1 có 04 người con tên Nguyễn Thị Ngọc A, Nguyễn Văn L, Nguyễn Thị M và Nguyễn Văn B); Bà Thạch Thị M2 chết 2008 (bà M2 có 06 người con tên Lê Thị F, Lê Thị G, Lê Thị H, Lê Thị K, Lê Văn M1 và Lê Thanh B1) và Thạch Văn C. Quá trình chung sống cụ T và cụ Th có tạo lập quyền sử dụng đất tại các thửa 229, 286, 289, 291, 292 và 265, tờ bản đồ số 3, toạ lạc tại xã V, huyện Y, tỉnh Long An. Sau khi cụ T và cụ Th chết do ông C là con út sống chung với cha mẹ nên đã kê khai quyền sử dụng đất nói trên đứng tên ông C và ông C là người quản lý sử dụng đất từ khi cụ T và cụ Th chết cho đến nay. Vào năm 2012, ông C có tập hợp con cháu là con của bà C1 và bà M2 về để chia cho chi của bà M2 và chi của bà C1 mỗi người một phần đất. Đại diện chi bà M2 là ông Bình và đại diện chi bà C1 là bà A dự. Ông C có thỏa thuận nếu nhận tiền thì ông C giao 20.000.000 đồng còn nhận đất thì ông C chưa chia. Bà A đợi rất lâu nhưng không thấy ông C chia đất và có ý né tránh nên bà A có khởi kiện ông C đến UBND xã V. Tại biên bản hòa giải cơ sở của xã V ngày 07/01/2022 thể hiện ông C thừa nhận nguồn gốc đất do cha mẹ để lại cho ông sử dụng từ năm 1977, ông có chia đất cho mẹ bà A nhưng mẹ bà A không chịu nhận và giao cho ông canh tác cù giỗ. Do đó nay bà đại diện cho bà A và ông B khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

Chia cho bà A và ông B mỗi người $\frac{1}{4}$ diện tích đất theo kỹ phần bà C1 được hưởng $3.666,6m^2$ là $841,65m^2$. Ngoài ra đề nghị ông C chia $\frac{1}{4}$ diện tích đất theo kỹ phần của bà C1 được hưởng cho bà M, bà M tặng cho bà A nên ông C phải giao cho bà A thêm diện tích $841,65m^2$. Như vậy bà A được hưởng là $1.683,3m^2$. Đối với yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông C tại các thửa 229, 286, 289, 291, 292 và 265, tờ bản đồ số 3, toạ lạc tại xã V, huyện Y, tỉnh Long An, bà xin rút lại yêu cầu này. Ngoài ra, bà xác định không còn yêu cầu gì khác.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Thạch Văn C do ông Thạch Văn D đại diện trình bày: Ông thống Nh về mối quan hệ huyết thống giữa ông C với chị em bà A như bà G1 trình bày là đúng. Còn về nguồn gốc đất các thửa 229, 286, 289, 291, 292 và 265, tờ bản đồ số 3, toạ lạc tại xã V, huyện Y, tỉnh Long An diện tích khoảng $10.652m^2$ do ông Thạch Văn C khai khẩn và tạo lập mà có và được Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 1997 không phải đất do cha mẹ ông C chết để lại cho ông C. Quá trình sử dụng không ai

tranh chấp. Đối với biên bản hòa giải tại xã V ngày 07/01/2022 có ghi rằng ông C thừa nhận nguồn gốc đất là của cha mẹ để lại nhưng không chia là không đúng với ý kiến của ông C nhưng vì lớn tuổi ông C không có đọc lại và có ký tên. Ông C yêu cầu hủy bỏ nội dung biên bản hòa giải này. Đồng thời không đồng ý toàn bộ ý kiến của người đại diện bà A và ông B đòi chia đất với ông C. Đề nghị Tòa án bác yêu cầu của bà A và ông B. Ngoài ra ông không còn ý kiến gì khác.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vợ và con ông C tên Thạch Văn H2, Trần Thị Nh, Trần Thị Thị Thu Q: Có văn bản ý kiến thống Nh ý kiến trình bày của ông D đại diện cho ông C.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan tên Lê Thị F, Lê Thị G, Lê Thị H, Lê Thị K, Lê Văn Minh và Lê Thanh B1 trình bày: Mẹ ruột các ông bà là bà Thạch Thị M2 (chết) là em ruột của bà Thạch Thị C1 (mẹ bà Nguyễn Thị Ngọc A). Như vậy các ông bà với bà A chị em bạn dì, còn ông Thạch Văn C là cậu út của các ông bà. Ông ngoại các ông bà tên Thạch Văn T (chết năm 1991) và bà ngoại tên Dương Thị Th (chết năm 1977). Ông bà ngoại các ông bà có 05 người con: 1/ Thạch Văn Chiến (hy sinh năm 1948 không có vợ con); 2/ Thạch Thị C1 (mẹ bà A) chết (có 04 người con: Nguyễn Thị Ngọc A, Nguyễn Văn L, Nguyễn Thị M, Nguyễn Văn B; 3/ Thạch Thị M2 (chết là mẹ các ông bà) (mẹ các ông bà có 06 con tên Lê Thị F, Lê Thị G, Lê Thị H, Lê Thị K, Lê Văn Tuấn và Lê Thanh B1); 4/ Thạch Thị Diên (chết không chồng con) và ông Thạch Văn C. Khi ông bà ngoại còn sống có tạo lập 01 sổ đất tại xã V hiện nay để lại cho cậu út đứng tên. Do đó bà Nguyễn Thị Ngọc A khởi kiện với ông Thạch Văn C liên quan đến các thửa đất 286, 289, 291, 292, 229, 365, 230, tờ bản đồ số 3, tọa lạc tại xã V, huyện Y, tỉnh Long An diện tích 10.100m² các ông bà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định, mẹ các ông bà lúc còn sống có nói với các ông bà được ông bà ngoại cho 01 công đất nhưng khi mẹ các ông bà chết 2008 đến 2012 cậu C có kê chi của các ông bà và chi của bà A về chia. Lúc đó cha các ông bà tên Lê Văn Xê (chết 2013) không lấy để cho cậu C thờ cúng ông bà, còn chi của bà A nhận nhưng chờ đợi hoài không được nên bà A khởi kiện. Đối với các anh em của các ông bà không tranh chấp gì trong vụ án này. Nguồn gốc đất các thửa 286, 289, 291, 292, 229, 365, 230, tờ bản đồ số 3, tọa lạc tại xã V, huyện Y, tỉnh Long An hiện nay do ông Thạch Văn C đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đúng là đất do ông bà ngoại của các ông bà để lại.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân huyện Y trình bày: Nguồn gốc đất các thửa 229, 286, 289, 291, 292, 365, 230, tờ bản đồ số 3, tọa lạc tại xã V của ông Thạch Văn C được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 1997. Ngày 22/12/1997, UBND huyện Y ban hành quyết định số 926/QĐ.UB về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trong đó có hộ ông Thạch Văn C với tổng diện tích 13.584m², gồm 07 thửa đất tọa lạc tại xã V là căn cứ vào hồ sơ xét duyệt của Hội đồng đăng ký xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo mẫu Trung ương của xã V và danh sách hộ đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất xã V theo mẫu Trung ương trong đó có hộ ông Thạch Văn C.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan UBND xã V trình bày: các thửa 229, 286, 289, 291, 292, 365, 230, tờ bản đồ số 3, tọa lạc tại xã V, huyện Y, tỉnh Long An do ông Thạch Văn C đứng tên sổ mục kê. Việc tiến hành hòa giải việc tranh chấp giữa bà Nguyễn Thị Ngọc A và ông Thạch Văn C ngày 07/01/2022 đúng theo quy định pháp luật và đủ thành phần. Tại buổi hòa giải ông C trình bày ý kiến của mình: nguồn gốc đất là của cha mẹ để lại cho ông trực tiếp canh tác, quản lý và sử dụng từ năm 1997 đến nay, lúc trước khi còn sống chị ông là mẹ của bà A không nhận phần đất mà giao cho tôi canh tác, sử dụng để cúng giỗ ông bà cha mẹ, ông không đồng ý chia cho bà Nguyễn Thị Ngọc A. Ý kiến này là do ông C trình bày tại buổi hòa giải và có đọc lại các bên nghe tại buổi hòa giải trước khi ký tên vào biên bản hòa giải. UBND xã V không đồng ý với ý kiến của ông C về việc đề nghị hủy bỏ biên bản này.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 310/2023/DS-ST ngày 11-12-2023 của Toà án nhân dân huyện Đức Hoà đã căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 91, 147, 271, 273, 217 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 100, 166, 167, 203 Luật Đất đai năm 2013; Điều 219 Bộ luật dân sự 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban tQ vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ngọc A và ông Nguyễn Văn B về việc “chia tài sản chung là quyền sử dụng đất” với ông Thạch Văn C.

Buộc ông Thạch Văn C phân chia cho bà Nguyễn Thị Ngọc A và ông Nguyễn Văn B mỗi người 996.192.416 đồng (chín trăm chín mươi sáu triệu một trăm chín mươi hai ngàn bốn trăm mười sáu đồng).

2. Không chấp nhận yêu cầu của ông Thạch Văn C về việc yêu cầu hủy bỏ biên bản hòa giải ngày 07/01/2022 của UBND xã V.

3. Ông Thạch Văn C được tiếp tục quản lý sử dụng các thửa 365, 286, 289, 291, 292, 229, tờ bản đồ số 3, tọa lạc tại ấp 1B, xã V, huyện Y, tỉnh Long An (theo hệ thống bản đồ mới thuộc các thửa 384, 354, 156, 157, phần thửa 158 tờ bản đồ 12 Hựu Thạnh) có diện tích thực tế là 12.360,2m². Vị trí đất được đính kèm theo Mảnh trích đo do Công ty TNHH đo đạc nhà đất Trung Nghĩa lập được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Y duyệt ngày 07/9/2023. Ông C có nghĩa vụ hoàn tiền cho bà A và ông B tại phần 1 nói trên.

4. Đình chỉ yêu cầu và Nguyễn Thị Ngọc A và ông Nguyễn Văn B về việc hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ông Thạch Văn C liên quan các thửa 365, 286, 289, 291, 292, 229, tờ bản đồ số 3, tọa lạc tại ấp 1B, xã V, huyện Y, tỉnh Long An (theo hệ thống bản đồ mới thuộc các thửa 384, 354, 156, 157, phần thửa 158 tờ bản đồ 12 Hựu Thạnh) có diện tích thực tế là 12.360,2m².

5. Về chi phí đo đạc, thẩm định, định giá: Nguyên đơn bà A và ông B phải chịu 5.375.000 đồng. Ông C phải chịu 59.125.000 đồng hoàn trả cho nguyên đơn bà A và ông B.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất cơ bản do

Ngân hàng Nhà nước quy định tương ứng với thời gian chưa thi hành theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

6. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Thạch Văn C được miễn án phí, bà Nguyễn Thị Ngọc A được miễn án phí. Ông Nguyễn Văn B phải chịu 41.885.772 đồng án phí dân sự sơ thẩm sung vào Ngân sách Nhà nước. Số tiền 5.300.000 đồng ông B có nộp theo các biên lai 0007382 và 0007383 cùng ngày 24/11/2022 được khấu trừ vào án phí. Ông Nguyễn Văn B còn phải nộp tiếp là 36.585.772 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ngoài ra, án còn tuyên về quyền kháng cáo; quyền, nghĩa vụ của các bên ở giai đoạn thi hành án.

Bản án chưa có hiệu lực pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bên không thỏa thuận được với nhau, nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, bị đơn không rút yêu cầu phản tố, không rút yêu cầu kháng cáo và các đương sự tranh luận như sau:

- Ông Lê Minh E đại diện theo uỷ quyền của bị đơn tranh luận: Tòa án nhân dân huyện Y đã căn cứ vào biên bản hòa giải tại UBND xã V ngày 07/01/2022 xác nhận đây là tài sản chung và chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Từ khi Tòa cấp sơ thẩm thụ lý đến khi đưa vụ án ra xét xử ngày 12/9/2023 bà A chỉ yêu cầu chia thừa kế, lúc đó Tòa án có hỏi ông C có áp dụng thời hiệu hay không ông C có yêu cầu áp dụng nên nguyên đơn đã thay đổi yêu cầu khởi kiện đó là khởi kiện chia tài sản chung.

Đối với yêu cầu chia tài sản chung nếu cho rằng đây là di sản thì yêu cầu chia thừa kế tuy nhiên đã không còn thời hiệu khởi kiện, còn đối với yêu cầu chia tài sản chung được quy định tại mục 2.4 Nghị quyết số 02/2004/NQ-HĐTP ngày 10/8/2004 quy định “*Không áp dụng thời hiệu khởi kiện về quyền thừa kế:*

a) Trường hợp trong thời hạn mười năm, kể từ thời điểm mở thừa kế mà các đồng thừa kế không có tranh chấp về quyền thừa kế và có văn bản cùng xác nhận là đồng thừa kế hoặc sau khi kết thúc thời hạn mười năm mà các đồng thừa kế không có tranh chấp về hàng thừa kế và đều thừa nhận di sản do người chết để lại chưa chia thì di sản đó chuyển thành tài sản chung của các thừa kế. Khi có tranh chấp và yêu cầu Tòa án giải quyết thì không áp dụng thời hiệu khởi kiện về quyền thừa kế, mà áp dụng các quy định của pháp luật về chia tài sản chung để giải quyết ...”

Vì vậy trong trường hợp này, nếu giả sử tài sản này là của ông T, bà Th thì cũng không có văn bản nào xác nhận là tài sản chung chưa chia, bà A yêu cầu chia tài sản chung nhưng không có giấy tờ nào chứng minh đây là di sản của ông T, bà Th để lại mà chỉ nghe người thân (mẹ bà A) nói.

Phần đất tranh chấp này, ông C đã khai khẩn và canh tác từ năm 1976, đến năm 1997 ông C được nhà nước cấp giấy, từ năm 1997 đến năm 1991 khi ông T còn sống cũng không có văn bản nào cho rằng đây là tài sản của ông T, bà Th để lại nhưng Tòa án cấp sơ thẩm chỉ dựa vào biên bản hòa giải tại UBND xã V và cho rằng đây là tài sản chung là không đúng theo quy định tại Nghị quyết số 02/2004/NQ-HĐTP ngày 10/8/2004.

Tại sao Tòa án lại thụ lý vụ án mà đối tượng khởi kiện lại là biên bản hòa giải tại UBND xã, ông C phản tố yêu cầu hủy văn bản hòa giải là do ông C không hiểu trình tự, thủ tục và nội dung biên bản hòa giải không đúng, thành phần cũng không đúng bên cạnh đó ông C còn nhớ các nội dung còn trống đã được khóa dòng nhưng khi nhận lại biên bản lại không giống với biên bản năm đó còn chữ ký cũng chỉ ký có một trang cuối ông C đã làm đơn tố cáo việc UBND xã V ban hành biên bản hòa giải không đúng nhưng đến nay chưa có phản hồi.

Về nguồn gốc đất phía nguyên đơn không cung cấp được đây là tài sản của ông T, bà Th. Ông C không thừa nhận vào năm 2012 có họp gia đình để chia đất và nguyên đơn cũng không có văn bản chứng minh trong khi ông L là em ruột bà A cũng khai rằng không có việc chia đất mà ông C chỉ cho 20 triệu để phụ làm mồ mã.

Đối với bản án sơ thẩm chia có lợi cho ông C thì bị đơn thấy rằng nếu đây là tài sản chung chưa chia mà phân chia như vậy là không đúng vì ông T, bà Th có 05 người con mà chỉ chia thành 03 phần là không đúng mà phải chia thành 05 phần, phần của ông Chiến, bà Diên giao cho ông C vì hai người này hiện đã chết.

Vì vậy đối với yêu cầu hủy biên bản hòa giải đề nghị Hội đồng xét xử xem xét đây không phải là đối tượng khởi kiện.

Đối với yêu cầu chia tài sản chung, nguyên đơn không có chứng cứ chứng minh đây là di sản do ông bà để lại, các đồng thừa kế không có xác nhận đây là tài sản chung chưa chia nên yêu cầu chia tài sản chung của nguyên đơn là không có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên sửa án sơ thẩm và bác toàn bộ đơn khởi kiện của nguyên đơn.

- Ông Thạch Văn D người đại diện theo ủy quyền của bị đơn tranh luận: bà Diên có chồng nhưng không có con khi bà Diên bệnh ba ông có đem về nuôi, chăm sóc.

- Bà Trần Thị Kim G1 người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn tranh luận: Nguồn gốc đất của ông T, bà Th, tại biên bản hòa giải tại UBND xã V ông C cũng đã thừa nhận *“nguồn gốc do cha mẹ để lại và ông C sử dụng từ năm 1977 đến nay, khi còn sống chị tôi là mẹ của bà A từ chối không nhận đất mà để tôi canh tác cũng giống ông bà cha mẹ”* theo Công văn số 577 ngày 04/12/2023 UBND xã V có xác nhận nội dung biên bản hòa giải là đúng, có đọc lại cho các bên nghe và có chữ ký của ông C. Như vậy, ông C đã thừa nhận đất tranh chấp có nguồn gốc của ông T và bà Th đây là tình tiết không phải chứng minh. Ngoài ra, ông C còn cho rằng có phân chia đất cho bà C1 (là mẹ bà A) nhưng bà C1 không nhận. Bà A, ông B không thừa nhận có sự việc này và ông C cũng không có văn bản chứng minh việc bà C1 từ chối nhận di sản trên. Từ những lời khai của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đều xác nhận nguồn gốc của ông T, bà Th để lại nhưng chưa chia cho con cháu. Từ đó có căn cứ khẳng định đây là tài sản chung của ông bà để lại chưa chia.

Về quá trình sử dụng đất do ông C canh tác từ năm 1976 đến nay, ông C sống chung với cha mẹ còn các chị thì có chồng sống nơi khác. Sau đó các anh

chị thỏa thuận để cho ông C đứng tên trên giấy sau này chia cho con cháu mỗi người một phần, tại bản án sơ thẩm số 310/2023/DS-ST đã phân chia có lợi cho ông C, ông C được nhận gần toàn bộ phần đất nên thấy sự phân chia này cũng hợp lý.

Đối với yêu cầu hủy biên bản hòa giải tại UBND xã V là không có cơ sở vì khi hòa giải ông C cũng có mặt, UBND xã xác nhận có đọc lại cho các đương sự nghe xác nhận đúng nội dung và ký tên. Từ những phân tích trên đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu:

- Về việc tuân thủ pháp luật tố tụng: Tòa án cấp phúc thẩm thực hiện đúng pháp luật về tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến khi đưa ra xét xử. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng thực hiện đúng theo tố tụng. Các bên đương sự thực hiện đầy đủ quyền nghĩa vụ của mình. Kháng cáo hợp lệ đủ điều kiện để xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

- Về nội dung kháng cáo:

Các bên đương sự đều thống nhất nguồn gốc các thửa đất 286, 289, 291, 292, 229, 365, 230 từ bản đồ số 3 tọa lạc tại ấp 1B, xã V, huyện Y, tỉnh Long An trước đây là của cụ ông Thạch Văn T (1911- 1991) và cụ bà Dương Thị Th (1910-1977). Sau khi cụ Th, cụ T chết thì ông C là người trực tiếp quản lý, sử dụng đất và trong quá trình sử dụng đất ông C đã đi kê khai, được cấp GCNQSDĐ vào năm 1997. Các nguyên đơn cho rằng quyền sử dụng đất mà hiện nay ông C đứng tên tại các thửa đất trên là tài sản chung chưa được phân chia nên yêu cầu được chia mỗi người $\frac{1}{4}$ diện tích đất theo kỹ phần mà bà C1 được hưởng. Bị đơn ông C không đồng ý chia, vì cho rằng các thửa đất trên là thuộc quyền sử dụng đất của ông C, không phải là tài sản chung chưa chia, ông C thừa nhận có ký tên trong biên bản hòa giải tại UBND xã V ngày 07/01/2022 nhưng nội dung biên bản này thể hiện không đúng với những gì mà ông đã trình bày nên ông C có đơn phản tố yêu cầu hủy bỏ.

+ *Đối với yêu cầu phản tố của bị đơn:* Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý đơn phản tố của ông C và giải quyết bác yêu cầu của ông C về việc hủy bỏ biên bản hòa giải tại UBND xã V ngày 07/01/2022 là chưa phù hợp. Biên bản hòa giải cơ sở là thủ tục hòa giải bắt buộc trong các vụ án tranh chấp liên quan đất đai, không phải là đối tượng khởi kiện nên không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên hủy một phần bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết đối với phần yêu cầu phản tố của ông C.

+ *Đối với yêu cầu của các nguyên đơn:*

Bà G1 đại diện các nguyên đơn trình bày vào năm 2012 ông C có kêu chi của M2 và chi của bà C1 về hợp chia đất, phía chi của bà M2 không nhận đất mà để ông C canh tác lo cúng giỗ nhưng ông Bình có nhận của ông C số tiền 20 triệu đồng, riêng chi của bà C1 có bà A đại diện đề nghị nhận đất, sau đó bà A đợi lâu không thấy ông C chia đất cho nên bà A đã gửi đơn tranh chấp với ông C ra UBND xã V hòa giải nhưng không L nên khởi kiện đến Tòa án; lời trình bày này của là phù hợp với ý kiến trình bày của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên

quan thuộc chi của bà M2. Tuy rằng sự việc hợp gia đình vào năm 2012 để thỏa thuận phân chia đất không có lập biên bản, chỉ nói miệng và ông C không thừa nhận nhưng trên thực tế sự việc này là có xảy ra, chính đại diện ông C cũng thừa nhận có đưa số tiền 20 triệu đồng cho ông Bình trong khoản thời gian như nguyên đơn trình bày, tình tiết này là hoàn toàn phù hợp với lời khai của các nguyên đơn và những người liên quan thuộc chi của bà M2. Điều này chứng tỏ rằng sự việc ông C có kêu chi của M2 và chi của bà A về hợp chia đất vào năm 2012 là có thật.

Đối với biên bản hòa giải tại UBND xã V ngày 07/01/2022 thì ông C cho rằng nội dung của biên bản hòa giải này thể hiện không đúng với những gì mà ông đã trình bày, nhưng qua ý kiến của UBND xã Hựu Thành tại Văn bản số 577 ngày 04/12/2023 xác nhận biên bản đã ghi đúng ý kiến của ông C, biên bản lập có đọc lại cho các bên nghe và ông C thống Nh ký tên, đại diện của ông C cũng thừa nhận ông C có nghe thông qua nội dung biên bản trước khi ký tên, đồng thời từ khi hòa giải xong đến khi bà A khởi kiện ra Tòa được Tòa án thụ lý vụ án thì ông C không phản đối gì về biên bản hòa giải này; ông C không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình nên không có cơ sở chấp nhận. Xét nội dung biên bản hòa giải tại UBND xã V ngày 07/01/2022 thể hiện ông C có thừa nhận nội dung là *“nguồn gốc đất cha mẹ để lại”*, nội dung này phù hợp với lời trình bày của các chi của bà M2, bà C1 cũng thừa nhận nguồn gốc đất tại các thửa 286, 289, 291, 292, 229, 365 là của cụ T, cụ Th chết để lại và tại phiên tòa phúc thẩm đại diện của ông C cũng đã thống Nh thừa nhận các thửa đất trên là có nguồn gốc từ cụ T, cụ Th.

Xét thấy, các bên đương sự đều đã thống Nh nguồn gốc đất tại các thửa đất 286, 289, 291, 292, 229, 365 là của cụ Th, cụ T chết để lại. Cụ Th, cụ T chết không có để lại di chúc định đoạt đối với phần tài sản này, kể cả khi còn sống cụ Th, cụ T cũng chưa có chia đất cho các con mà toàn bộ quyền sử dụng đất được ông C là con trai út trong gia đình tiếp quản, sử dụng và lo cúng giỗ. Trong quá trình quản lý, sử dụng đất, ông C có đi kê khai xin cấp giấy và được Nhà nước cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 1997. Mặc dù, ông C là người đứng tên trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng ông C thừa nhận đất là của cha mẹ để lại và cũng như không có tranh chấp gì về hàng thừa kế; điều này được thể hiện thông qua tình tiết diễn biến của sự việc xảy ra vào năm 2012 ông C có kêu chi của M2 và chi của bà C1 về hợp chia đất và cũng tại nội dung biên bản hòa giải tại UBND xã V ngày 07/01/2022 thể hiện ông C thừa nhận nguồn gốc đất của cha mẹ để lại nhưng ông C lại cho rằng *“lúc trước khi còn sống chị tôi mẹ của Mỹ không nhận phần đất mà giao cho tôi canh tác, sử dụng cúng giỗ ông bà, cha mẹ...”* tuy nhiên cũng không có chứng cứ gì thể hiện rằng khi còn sống bà C1 có từ chối nhận chia đất và giao lại cho ông C canh tác, sử dụng như ý kiến của ông C trình bày.

Từ đó, có cơ sở xác định quyền sử dụng đất tại các thửa đất 286, 289, 291, 292, 229, 365 tờ bản đồ số 3, tọa lạc xã V, huyện Y, tỉnh Long An (theo hệ thống bản đồ mới thuộc các thửa 384, 354, 156, 157, phần thửa 158 tờ bản đồ 12 có diện tích thực tế là 12.360,2m²) là tài sản chung chưa chia. Do đó, Tòa án cấp sơ

thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên kháng cáo của bị đơn ông C là không có cơ sở chấp nhận.

Về cách phân chia: Tòa án cấp sơ thẩm nhận định chia 06 phần, trong đó bà A, ông B hưởng 0,5 phần chi của bà C1; còn ông C hưởng 5,5 phần (03 phần do có công sức + 01 phần của ông C+01 phần của chi bà M2 + 0,5 phần chi của bà C1). Sau khi xét xử sơ thẩm, chỉ bị đơn ông C kháng cáo không đồng ý chia vì cho rằng các thửa đất là thuộc quyền sử dụng của mình, không có yêu cầu xem xét lại cách chia. Phía nguyên đơn và những người có quyền lợi liên quan đến việc chia tài sản này cũng không có kháng cáo yêu cầu xem xét lại cách chia nên cần giữ nguyên như bản án sơ thẩm.

Từ những phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét phúc thẩm xem xét không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Thạch Văn C. Hủy một phần bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết đối với phần yêu cầu phản tố của ông C, các phần quyết định còn lại của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị thì đề nghị giữ nguyên như đã phân tích trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

1. Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Ông Thạch Văn C kháng cáo hợp lệ, thực hiện đúng thủ tục tố tụng nên được chấp nhận xem xét lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

[1.2] Các bên đương sự tranh chấp liên quan đến quyền sử dụng đất đối với phần đất thuộc các thửa 365, 286, 289, 291, 292, 229, tờ bản đồ số 3, tọa lạc tại ấp 1B, xã V, huyện Y, tỉnh Long An nên Tòa án nhân dân huyện Đức Hoà thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền về lãnh thổ quy định tại Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.3] Bà Lê Thị F, bà Lê Thị G, bà Lê Thị H, bà Lê Thị K, ông Lê Văn E, ông Lê Thanh B1, bà Nguyễn Thị M, bà Trần Thị N, ông Thạch Văn P, bà Trần Thị Thu Q, đại diện Ủy ban nhân dân xã V và đại diện Ủy ban nhân dân huyện Y đã có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt nên căn cứ vào Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử giải quyết vắng mặt các đương sự nêu trên.

[1.4] Các đương sự đều thống nhất về hàng thừa kế của ông Thạch Văn T và bà Dương Thị Th nên căn cứ vào Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự, đây là tình tiết không phải chứng minh.

[2] Về nội dung tranh chấp.

[2.1] Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số L 726194, số vào sổ 1535 QSDĐ/0720 LA ngày 12/9/1997 do Ủy ban nhân dân huyện Đức Hoà cấp cho ông Thạch Văn C đối với các thửa 365, 286, 289, 291, 292, 229, tờ bản đồ số 3, tọa lạc tại ấp 1B, xã V, huyện Y, tỉnh Long An.

[2.2] Theo Mảnh trích đo địa chính số 527-2023 do Công ty TNHH đo đạc nhà đất Trung Nghĩa đo vẽ ngày 11/8/2023 được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện Đức Hoà duyệt ngày 07/9/2023 (gọi tắt là Mảnh trích đo địa chính số 527-2023) thể hiện các thửa 365 (thửa mới 384), 286 (thửa mới 354), 289 (thửa mới 156), 291 (thửa mới 157), 292 (một phần thửa mới 158), 229 (một

phần thửa mới 158), tờ bản đồ số 3 (mới 12), có tổng diện tích 12.360,2m², tọa lạc tại ấp 1B, xã V, huyện Y, tỉnh Long An.

Theo Chứng thư thẩm định giá số 424/14/09/2023/TĐG LA-BĐS ngày 14/9/2023 của Công ty cổ phần thương mại dịch vụ và tư vấn Hồng Đức thì phần đất tranh chấp trên có giá 23.908.618.000 đồng.

Tại phiên toà phúc thẩm, đại diện nguyên đơn, đại diện bị đơn đều thống Nh với kết quả đo đạc, định giá nêu trên, không ai yêu cầu tiến hành đo đạc, định giá lại nên Hội đồng xét xử không có cơ sở để tiến hành lại.

[2.3] Tại phiên toà phúc thẩm, ông Thạch Văn D thừa nhận rằng toàn bộ phần đất nêu trên có nguồn gốc từ ông Thạch Văn T và bà Dương Thị Th; khi còn sống ông T, bà Th sống cùng ông C. Sau khi ông T, bà Th chết thì ông C tiếp tục quản lý, sử dụng phần đất trên. Sự thừa nhận này phù hợp với nội dung tại biên bản hòa giải cơ sở ngày 07/01/2022 của Ủy ban nhân dân xã V: *“nguồn gốc đất cha mẹ để lại tôi trực tiếp canh tác sử dụng từ năm 1977 đến nay, lúc trước khi còn sống chị tôi mẹ của Mỹ không nhận phần đất mà giao cho tôi canh tác, sử dụng cúng giỗ ông bà, cha mẹ...”*. Do đó, ông C cho rằng Ủy ban nhân dân xã V ghi không đúng ý kiến của ông C là không có cơ sở.

[2.4] Bên cạnh đó, cũng tại phiên toà phúc thẩm, ông Thạch Văn D còn thừa nhận rằng vào năm 2012, 2013 ông C có đưa cho ông Lê Thanh B1 (con bà Lê Thị M2) số tiền 20.000.000 đồng để xây dựng mồ mã cho bà M2 và các anh, chị, em của ông Bình đều biết. Điều này phù hợp với lời khai của nguyên đơn và lời khai của những con của bà Lê Thị M2 *“Vào năm 2012, ông C có tập hợp con cháu là con của bà C1 và bà M2 về để chia cho chị của bà M2 và chị của bà C1 mỗi người một phần đất. Đại diện chị bà M2 là ông Bình và đại diện chị bà C1 là bà A dự”* nhưng đến nay ông C chưa chia đất cho chị của bà M2.

[2.5] Ngoài ra, đại diện của bị đơn cũng thừa nhận tại phiên toà là khi ông T, bà Th còn sống chưa chia đất cho con bà Thạch Thị C1 và bà Thạch Thị M2; đồng thời phần đất trên do gia đình ông C canh tác không qua chính sách cải tạo đất đai (không vào tập đoàn).

Từ những căn cứ nêu trên có cơ sở khẳng định các đương sự đã thống Nh trên thực tế là phần đất nêu trên do ông T, bà Th để lại chưa được phân chia sau khi hết thời hiệu thừa kế 10 năm (theo Bộ luật Dân sự năm 2005) tại thời điểm năm 2012 vì ông C lúc đó có tập hợp các chi trong gia đình về phân chia đất, đến ngày 07/01/2022 tại buổi hoà giải của Ủy ban nhân dân xã V ông C tiếp tục khẳng định lại nội dung đây là tài sản chung. Mặc dù, các bên không lập thành văn bản như hướng dẫn tại mục 2.4 Nghị quyết số 02/2004/NQ-HĐTP ngày 10/8/2004 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao do các bên không thực hiện đầy đủ quy định của pháp luật. Vì vậy, việc Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết chia tài sản chung là đúng với thực tế khách quan của vụ án.

[2.6] Căn cứ Điều 3, 30, 31 của Luật Tổ tụng hành chính năm 2015, Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý yêu cầu phản tố của bị đơn về việc huỷ biên bản hòa giải cơ sở ngày 07/01/2022 của Ủy ban nhân dân xã V là không đúng. Biên bản hòa giải cơ sở không phải là đối tượng khởi kiện, đây là tài liệu, chứng cứ xem xét đánh

giá trong quá trình giải quyết vụ án dân sự. Do đó, cần huỷ và đình chỉ giải quyết nội dung này của án sơ thẩm.

Từ đó thấy rằng, yêu cầu kháng cáo của ông Thạch Văn C là không có cơ sở chấp nhận; lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là hoàn toàn có căn cứ nên được chấp nhận toàn bộ.

[3] Về án phí phúc thẩm: Do ông Thạch Văn C đã trên 60 tuổi là người cao tuổi nên được miễn theo Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[4] Những nội dung khác của quyết định án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên có hiệu lực pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1, 4 Điều 308, Điều 311, Điều 293, 296 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Thạch Văn C.

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 91, 147, 271, 273, 217 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 100, 166, 167, 203 Luật Đất đai năm 2013; Điều 219 Bộ luật dân sự 2015; Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Giữ nguyên một phần bản án dân sự sơ thẩm số 310/2023/DS-ST ngày 11-12-2023 của Tòa án nhân dân huyện Đức Hoà, tỉnh Long An.

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ngọc A và ông Nguyễn Văn B về việc “chia tài sản chung là quyền sử dụng đất” với ông Thạch Văn C.

Buộc ông Thạch Văn C phải chia cho bà Nguyễn Thị Ngọc A và ông Nguyễn Văn B mỗi người 996.192.416 đồng (chín trăm chín mươi sáu triệu một trăm chín mươi hai ngàn bốn trăm mười sáu đồng).

[2] Hủy một phần bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu của ông Thạch Văn C về việc yêu cầu hủy bỏ biên bản hòa giải ngày 07/01/2022 của Ủy ban nhân dân xã V, huyện Đức Hoà, tỉnh Long An.

[3] Ông Thạch Văn C được tiếp tục quản lý sử dụng các thửa 365, 286, 289, 291, 292, 229, tờ bản đồ số 3, tọa lạc tại ấp 1B, xã V, huyện Y, tỉnh Long An (theo hệ thống bản đồ mới thuộc các thửa 384, 354, 156, 157, phần thửa 158, tờ bản đồ 12 Hựu Thạnh) có diện tích thực tế là 12.360,2m². Vị trí đất được đính kèm theo Mảnh trích đo do Công ty TNHH đo đạc nhà đất Trung Nghĩa lập được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Y duyệt ngày 07/9/2023. Ông C có nghĩa vụ hoàn tiền cho bà A và ông B tại phần 1 nói trên.

[4] Đình chỉ yêu cầu của bà Nguyễn Thị Ngọc A và ông Nguyễn Văn B về việc hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ông Thạch Văn C liên quan các thửa 365, 286, 289, 291, 292, 229, tờ bản đồ số 3, tọa lạc tại ấp 1B, xã V, huyện

Y, tỉnh Long An (theo hệ thống bản đồ mới thuộc các thửa 384, 354, 156, 157, phần thửa 158 tờ bản đồ 12 Hựu Thạnh) có diện tích thực tế là 12.360,2m².

[5] Về chi phí đo đạc, thẩm định, định giá: Buộc nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc A và ông Nguyễn Văn B phải chịu 5.375.000 đồng (đã nộp xong). Buộc ông Thạch Văn C phải chịu 59.125.000 đồng để hoàn trả cho nguyên đơn bà A và ông B.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước quy định tương ứng với thời gian chưa thi hành theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Thạch Văn C được miễn án phí, bà Nguyễn Thị Ngọc A được miễn án phí. Ông Nguyễn Văn B phải chịu 41.885.772 đồng án phí dân sự sơ thẩm sung vào Ngân sách Nhà nước nhưng được khấu trừ số tiền 5.300.000 đồng ông B có nộp theo các biên lai 0007382 và 0007383 cùng ngày 24/11/2022 được khấu trừ vào án phí. Ông Nguyễn Văn B còn phải nộp tiếp là 36.585.772 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[7] Về án phí dân sự phúc thẩm: Miễn toàn bộ cho ông Thạch Văn C.

[8] Án xử công khai phúc thẩm có hiệu lực pháp luật thi hành ngay sau khi tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Long An;
- TAND cấp huyện;
- Chi cục THADS cấp huyện;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Cảnh